

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
- Mã thành viên: 047
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ: 024.3686 9999 Fax: 024.3205 2969
- Email: cbtt@kss.com.vn Website: kss.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên

Chức vụ: Trưởng bộ phận Pháp chế

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chứng khoán KS (KSS) công bố thông tin Báo cáo thường niên 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2023 tại đường dẫn: <https://kss.com.vn/congbothongtin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTN năm 2022;

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN

KSSecurities 
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**

Mục lục

1.	TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS	4
1.1.	Thông tin doanh nghiệp	4
1.2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	4
2.	CƠ CẤU CÔNG TY VÀ ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO.....	5
2.1.	Cơ cấu công ty.....	5
2.2.	Đội ngũ lãnh đạo	7
3.	TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	8
3.1.	Tầm nhìn.....	8
3.2.	Sứ mệnh	8
3.3.	Giá trị cốt lõi	8
4.	RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO	9
4.1.	Nguyên tắc quản trị rủi ro	9
4.2.	Các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của KSS.....	10
5.	NHỮNG DẤU ẤN TRONG NĂM 2022.....	12
6.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022	12
6.1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	12
6.2.	Công nghệ là nền tảng mang đến trải nghiệm tốt nhất dành cho khách hàng	12
6.3.	Tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả.	13
6.4.	Văn hóa doanh nghiệp.....	14
7.	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	14
7.1.	Tiếp tục nâng cấp công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng.....	14
7.2.	“Con người là nhân tố cốt lõi của Tổ chức”.....	14
7.3.	Chủ động xây dựng văn hóa doanh nghiệp.....	15
8.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022	15
8.1.	Tình hình tài chính	15
8.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	15

9.	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	16
9.1.	Hoạt động kinh doanh của KSS năm 2022.....	16
9.2.	Kế hoạch kinh doanh của KSS năm 2023.....	18
10.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA KSS	19
10.1.	Bối cảnh chung.....	19
10.2.	Hoạt động của HĐQT trong năm 2022.....	19
10.3.	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023.....	23
11.	HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) TRONG NĂM 2022	23
11.1.	Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.....	23
11.2.	Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:.....	24
11.3.	Kết quả giám sát đối với Ban điều hành.....	24
11.4.	Thẩm định Báo cáo Tài chính.....	25
11.5.	Đề xuất và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát.....	27
12.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29
12.1.	Ý kiến kiểm toán.....	29
12.2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	30

1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

1.1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Chứng khoán KS (“KSS”), tên tiếng Anh: KS Securities Joint Stock Company, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 (đã được sửa đổi và bổ sung) và có trụ sở chính tại Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tên doanh nghiệp	Công ty cổ phần Chứng khoán KS
Tên tiếng Anh	KS Securities Joint Stock Company
Đại diện theo pháp luật	Bà Đỗ Thị Định – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“ HDQT ”)
Ngày thành lập	28/12/2006
Số vốn điều lệ	1.000.373.030.000 VNĐ
Trụ sở chính	Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Website	https://www.kss.com.vn
Điện thoại	+84 24 3686 9999

KSS được cấp phép thực hiện đầy đủ bốn nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Địa bàn kinh doanh chủ yếu: Thành phố Hà Nội và thông qua phương thức giao dịch điện tử.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

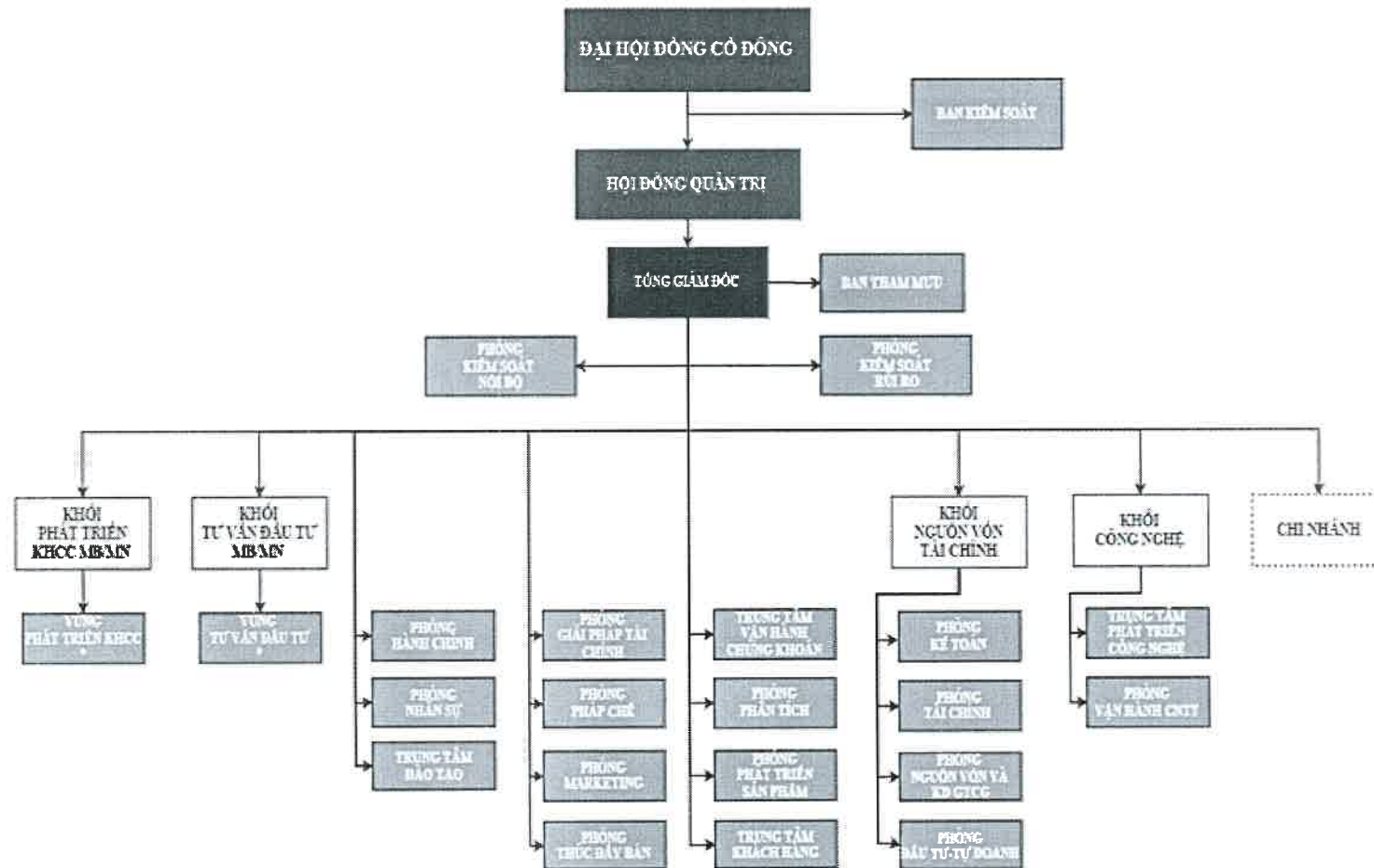
- Ngày 11/3/2021: Đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán KS;
- Ngày 15/7/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.000.373.030.000 đồng; bổ sung nghiệp vụ, gồm: Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán (ngoài nghiệp vụ Môi giới chứng khoán đã có sẵn);
- Ngày 13/1/2022: Chính thức chuyển trụ sở đến Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;
- Ngày 19/1/2022: Mở 03 văn phòng đại diện tại các thành phố Phú Thọ, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc;
- Ngày 23/03/2022: Mở 01 văn phòng đại diện tại Đồng Nai; và
- Ngày 16/08/2022: Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HDQT Đỗ Thị Định.

2. CƠ CẤU CÔNG TY VÀ ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO

2.1. Cơ cấu công ty

[Xem tiếp trang sau]

Chúng tôi có một kết cấu tổ chức chặt chẽ và đầy đủ các bộ phận phục vụ kinh doanh và vận hành nghiệp vụ của một công ty chứng khoán.



2.2. Đội ngũ lãnh đạo

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHUYÊN MÔN VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Bà Đỗ Thị Định	Chủ tịch HĐQT	<p>Cử nhân chuyên ngành kinh tế - Học viện Tài chính</p> <p>Bà Định có hơn 10 năm kinh nghiệm điều hành, quản lý trong lĩnh vực xây dựng, tài chính tại các tổ chức lớn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine ▪ Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service ▪ Phó giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh ▪ Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa ▪ Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên ▪ Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-HOMES ▪ Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ ▪ Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn ▪ Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes ▪ Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn KSFinance ▪ Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Sky Villa ▪ Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C ▪ 19/07/2022, bà Định được bầu làm Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng Khoán KS
Ông Nguyễn Đức Minh	Tổng Giám đốc	<p>Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Đại học Bách Khoa Hà Nội, Cử nhân ngôn ngữ Anh - Đại học Hà Nội, Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính.</p> <p>Ông Minh có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán tại các tổ chức tài chính lớn. Trước khi công tác tại CTCP Chứng khoán KS, ông từng giữ các vị trí Trưởng phòng môi giới CTCP Chứng khoán Sacombank, Trưởng phòng môi giới CTCP Chứng khoán SHB, Trưởng phòng kiểm soát tín dụng công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam...</p>

Bà Vũ Hiền Thảo	Kế toán trưởng	<p>Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân liên kết Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về Quản lý; Thạc sĩ chuyên ngành Kiểm toán, Đại học Paris Dauphine (Paris IX).</p> <p>Bà Thảo có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Bà từng đảm nhận vị trí Giám đốc phòng Quản lý danh mục tín dụng, Giám đốc phòng Phân tích Tài chính, Giám đốc phòng Quản lý rủi ro Thị trường tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); Kế toán trưởng tại Ngân hàng CIMB Việt Nam; và các vị trí quản lý khác tại Mizuho Corporate Bank Ltd. - CN Hà Nội, Công ty Mazars & Guérard Việt Nam.</p>
------------------------	-----------------------	---

3. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

3.1. Tầm nhìn

KSS sẽ cung cấp giải pháp quản lý sản nghiệp toàn diện, cá nhân hóa cho từng khách hàng của mình trên nền tảng công nghệ hiện đại. KSS cũng hướng tới mô hình đầu tư cho mỗi gia đình - tế bào của xã hội - và tạo dựng các sản phẩm đầu tư tích sản với kế hoạch dài hạn.

3.2. Sứ mệnh

KSS luôn nỗ lực hết mình để thấu hiểu nhu cầu của từng khách hàng và từ đó, hành động để đem đến giá trị lớn nhất cho khách hàng - đó là sự hài lòng với việc được đáp ứng tất cả các nhu cầu đó. Việc thấu hiểu và tận tâm phục vụ khách hàng là kim chỉ nam cho tổ chức, vận hành và phục vụ của KSS.

3.3. Giá trị cốt lõi

- Khách hàng là trọng tâm:** Mục tiêu của KSS là luôn nỗ lực để thấu hiểu nhu cầu của từng khách hàng và đồng hành cùng khách hàng để đáp ứng được tất cả các nhu cầu đó.
- Sáng tạo và đổi mới:** KSS không ngừng đem đến những giải pháp công nghệ sáng tạo cùng công cụ tiện ích để hỗ trợ khách hàng tối đa trong việc thực hiện các kế hoạch đầu tư.
- Đáp ứng toàn diện:** KSS tin rằng mọi nhu cầu về tài chính và đầu tư của mỗi khách hàng đều sẽ được đáp ứng bởi bộ giải pháp quản lý sản nghiệp toàn diện tại KSS.
- Tận tâm và minh bạch:** Với tinh thần làm việc trung thực và tận tâm, KSS cam kết luôn tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ uy tín và phù hợp nhất.

4. RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

4.1. Nguyên tắc quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thống suốt, phân tầng nhiệm vụ từ trên xuống dưới. Trong đó, HĐQT có nhiệm vụ định hướng hoạt động, xây dựng văn hóa quản trị rủi ro của KSS, phê duyệt các chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro, giao quyền triển khai cho Tổng Giám đốc và giám sát việc triển khai các chính sách quản lý rủi ro ... trên các nguyên tắc cụ thể sau:

(a) Nguyên tắc tuân thủ

Tuân thủ các quy định pháp luật, phù hợp với thông lệ ngành chứng khoán.

(b) Nguyên tắc minh bạch, khách quan

(i) Hoạt động quản lý rủi ro của KSS dựa trên tối đa các nguồn thông tin dữ liệu lịch sử, các quan sát, dự báo, ý kiến/kinh nghiệm chuyên gia và các bên liên quan; các thông tin đưa ra được nhận thức rõ ràng và xem xét trong quá trình quyết định về quản lý rủi ro để đảm bảo tính trung thực, hợp lý, khách quan; và

(ii) Các nguyên tắc quản lý rủi ro được đưa vào từng quy trình/quy định và hoạt động nhằm quản lý rủi ro hiệu quả và nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro. Việc nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro sẽ thực hiện thông qua cơ chế trao đổi thông tin giữa các cấp, các bộ phận có liên quan. Các đơn vị sẽ được thông báo, phổ biến và đào tạo tuyên truyền về quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ của KSS để hiểu rõ, nhận thức thống nhất và đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

(c) Nguyên tắc quản trị hiệu quả

KSS đảm bảo cân bằng giữa lợi ích và rủi ro trong tất cả các hoạt động. KSS chấp nhận rủi ro khi lợi ích lớn hơn chi phí (bao gồm lợi ích tiềm ẩn và chi phí tiềm ẩn) nhằm tối ưu hóa lợi ích của cổ đông. KSS chỉ chấp nhận các hoạt động kinh doanh khi có những cơ sở để Cấp có thẩm quyền phê duyệt đánh giá/xác nhận rằng tổng các lợi ích KSS thu được sẽ lớn hơn tổng các chi phí bỏ ra.

(d) Nguyên tắc phân định trách nhiệm

(i) Quản lý rủi ro là trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc và toàn bộ Khối/Phòng/Ban/Chi nhánh/Văn phòng đại diện cũng như mỗi cán bộ nhân viên tại KSS;

(ii) Đảm bảo cơ cấu tổ chức được thực hiện trên cơ sở phân vai độc lập và khách quan, mô hình ba tầng bảo vệ; phân luồng rõ rệt giữa kinh doanh, vận hành và quản lý rủi ro. Hệ thống phân cấp thẩm quyền rõ ràng từ ĐHCĐ xuống HĐQT/Tổng giám đốc/các đơn vị theo quy định của KSS từng thời kỳ; và

(iii) Việc kiểm soát trong quá trình vận hành hoạt động phải đảm bảo được thực hiện kiểm soát tối thiểu hai cấp: cấp thực hiện và cấp kiểm soát.

(e) Nguyên tắc quản trị rủi ro tiên tiến

Hoạt động quản lý rủi ro của KSS thường xuyên cập nhật các xu hướng phát triển, thông lệ quốc tế về ngành, không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực học hỏi, đảm bảo phù hợp với chiến lược, cơ cấu tổ chức, quy mô của KSS cũng như những thay đổi của môi trường bên ngoài từng thời kỳ.

4.2. Các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của KSS

(a) Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro xảy ra khi vì lý do chủ quan hay khách quan dẫn đến KSS không tuân thủ các quy định của pháp luật và bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền. Nhằm hạn chế rủi ro này, KSS cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong KSS trong đó:

- (i) Phòng Pháp chế chủ động và thường xuyên cập nhật thông tin về nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của KSS; nghiên cứu văn bản mới ban hành, đánh giá tác động của quy định mới và đưa ra các yêu cầu điều chỉnh, chủ động đề xuất kế hoạch triển khai và thay đổi khi cần thiết; và
- (ii) Phòng Pháp chế rà soát, kiểm tra tính pháp lý của các văn bản ký kết với khách hàng để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, phát hiện những yếu tố rủi ro pháp lý tiềm ẩn để điều chỉnh kịp thời.

(b) Rủi ro thị trường

Trong lĩnh vực kinh doanh đặc thù, KSS có thể phải chịu những rủi ro của thị trường như giá chứng khoán, lãi suất... dẫn đến hoạt động kinh doanh gặp bất lợi. Doanh thu các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, cho vay chịu ảnh hưởng lớn từ biến động/thay đổi của nền kinh tế vĩ mô (trong nước/nước ngoài) như biến động về lãi suất, lạm phát, các rủi ro chính sách của Ngân hàng nhà nước... Để kiểm soát và hạn chế các rủi ro này, KSS thực thi một số biện pháp trong năm như:

- (i) Xây dựng chính sách kinh doanh chi tiết từng thời kỳ, chủ động theo dõi, đánh giá rủi ro, nhận định, dự báo thị trường để có các điều chỉnh kịp thời (nếu cần);
- (ii) Phân công nhiệm vụ cho từng phòng ban trong việc theo dõi các chỉ số cảnh báo và/hoặc hạn mức rủi ro nhằm phát hiện và xử lý các trường hợp bất lợi; và
- (iii) Phòng Kiểm soát rủi ro đánh giá/theo dõi sát diễn biến thị trường đảm bảo việc cung ứng dịch vụ không phát sinh nợ xấu, thu hồi nợ kịp thời do biến động giá cả thị trường.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi KSS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này có thể xuất phát từ/chịu ảnh hưởng bởi công

tác quản lý dòng tiền, kết quả hoạt động kinh doanh không thuận lợi, sự cố, sai sót của bên thứ ba, hoặc do tác động của các yếu tố bên ngoài và thị trường. KSS hạn chế rủi ro này bằng các giải pháp:

- (i) Xây dựng hệ thống báo cáo, cảnh báo để theo dõi và kịp thời xử lý nguy cơ phát sinh các tình huống bất lợi, đảm bảo khả năng thanh khoản của KSS; và
- (ii) Các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày, giải ngân kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền. Trong năm 2022, KSS không phát sinh bất kỳ sự cố thanh khoản nào.

(d) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/ đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. KSS áp dụng một số biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro thanh toán đến hoạt động kinh doanh như sau:

- (i) Xây dựng hệ thống tiêu chí phát hiện và cảnh báo giao dịch bất thường, các giao dịch có dấu hiệu thao túng, làm giá chứng khoán;
- (ii) Quy định cách thức xác định cổ phiếu được giao dịch ký quỹ và thực hiện rà soát thường xuyên danh mục cổ phiếu này nhằm đảm bảo khả năng xử lý khi cần thiết;
- (iii) Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá và thẩm định danh mục chứng khoán cho vay;
- (iv) Xây dựng hệ thống báo cáo, cảnh báo để theo dõi, báo cáo và kịp thời xử lý trong trường hợp có tình huống bất lợi. Áp dụng hạn mức giao dịch đối với khách hàng, thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng; và
- (v) Triển khai và nâng cao năng lực đáp ứng của công nghệ trong giám sát và thực hiện giao dịch.

(e) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của KSS do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, hoặc phi tài chính cho KSS. Rủi ro này tại KSS được phát hiện, kiểm soát bằng các biện pháp:

- (i) Nâng cao năng lực của các bộ phận chuyên môn, đảm bảo tính chặt chẽ, tuân thủ pháp luật và đảm bảo hiệu lực của các văn bản nội bộ;
- (ii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro cho từng nghiệp vụ trên cơ sở đánh giá rủi ro và chiến lược ứng phó;
- (iii) Triển khai áp dụng các công cụ kiểm soát tự động; và
- (iv) Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, đảm bảo đúng quy trình, quy định khi tác nghiệp.

5. NHỮNG DẤU ẤN TRONG NĂM 2022

- (a) Chuyển trụ sở đến Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- (b) Hoàn thành việc kiểm tra/rà soát thuế với Cục thuế TPHCM (thời gian kiểm tra từ tháng 1/2014 đến hết tháng 5/2022); Chuyển cơ quan quản lý thuế sang Cục Thuế Thành phố Hà Nội
- (c) Kiện toàn lại bộ máy tổ chức và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả; và
- (d) Doanh thu đạt 710.89 tỷ đồng, tăng trưởng 17.44%; Lợi nhuận trước thuế đạt 411.69 tỷ đồng, tăng trưởng 21.69% so với năm 2021

6. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Trước các diễn biến bất lợi của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, KSS đã nỗ lực trong việc duy trì hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng của Hội đồng quản trị (“HĐQT”). Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành cùng toàn thể các đơn vị, cán bộ nhân viên KSS đã cùng nhau cố gắng, để Công ty vẫn có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Cụ thể:

- (a) Lợi nhuận trước thuế đạt 411.69 tỷ đồng, đạt 91.39% so với kế hoạch, tăng 73.38 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng bằng 121.69% so với cùng kỳ.
- (b) Tổng doanh thu 2022 đạt 710.89 tỷ đồng, đạt 79.91% so với kế hoạch được giao. Trong đó, doanh thu tự doanh đạt 181.14%, doanh thu môi giới chứng khoán đạt 99.43%, doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán đạt 53.36% so với kế hoạch.
Tổng doanh thu thực hiện 2022 của KSS tăng 105.58 tỷ đồng, bằng 117.44% so với tổng doanh thu thực hiện năm 2021. Một số loại doanh thu trọng yếu so với cùng kỳ năm 2021 có thể kể đến như: doanh thu tự doanh tăng 18.8 tỷ đồng, bằng 120.86%; doanh thu hoạt động đại lý lưu ký chứng khoán tăng 147.61 tỷ đồng, bằng 168.93%; doanh thu môi giới chứng khoán giảm 88.69 tỷ, bằng 59.76% so với cùng kỳ.
- (c) KSS đã quản lý chi phí hiệu quả, tối ưu nguồn lực, tổng chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý tăng 29.99 tỷ đồng, bằng 111.21% so với cùng kỳ. So với tốc độ tăng doanh thu thì tốc độ tăng chi phí thấp hơn 6.24%.

6.2. Công nghệ là nền tảng mang đến trải nghiệm tốt nhất dành cho khách hàng

Trong năm 2022, theo đúng định hướng kinh doanh, chiến lược phát triển về công nghệ, KSS đã đầu tư thay thế toàn bộ hạ tầng trung tâm dữ liệu mới bao gồm máy chủ, lưu trữ thiết bị mạng, bảo mật. Trung tâm dữ liệu mới của KSS có môi trường hoạt động ổn định, an toàn, tuân thủ đúng tiêu chuẩn của các Cơ quan quản lý, được hoàn thành lắp đặt trong tháng 06/2022. Việc nâng cấp trung tâm dữ liệu giúp hệ thống giao dịch ổn định, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Bên cạnh đó, năm 2022, KSS cũng tiếp tục tối ưu hóa hệ thống sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho Khách hàng: (i) kiện toàn hệ thống giao dịch điện tử dành cho Khách hàng, bổ sung thêm các chức năng trên ứng dụng mobile myKSS plus như: giao dịch chứng khoán cơ sở, thông tin thị trường, giao dịch tiền, nhằm hướng tới mục tiêu cung cấp cho Khách

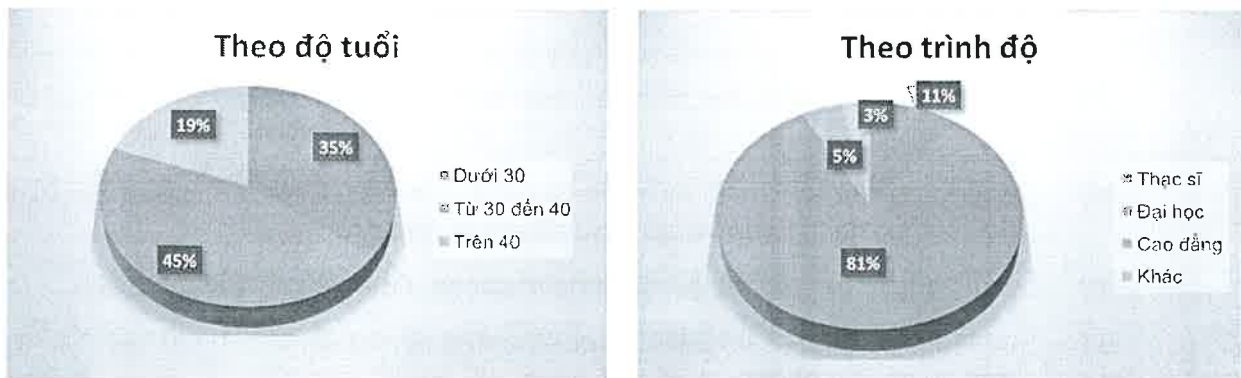
hàng tất cả các tiện ích/sản phẩm dịch vụ của KSS trên 1 nền tảng ứng dụng; (ii) nâng cấp thành công hệ thống web sale giúp đơn vị kinh doanh thuận tiện hơn trong việc bán hàng và quản lý chăm sóc Khách hàng; (iii) tiếp tục cải thiện hệ thống core giao dịch Flex, đảm bảo tuân thủ quy định Cơ quan quản lý.

6.3. Tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Năm 2022, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phải đối mặt nhiều biến động khó lường. Đơn cử như xung đột Nga - Ukraine dẫn đến nhiều hệ lụy chi phối nền kinh tế trên toàn thế giới, việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu hay sự tăng vọt của giá cả hàng hóa đầu vào. Kinh tế Việt Nam đã dần mở cửa từ tháng 10/2022 và “bình thường cũ” trở lại kể từ đầu tháng 3/2022, nhưng năng lực nội tại của các doanh nghiệp chưa phục hồi, cộng với những khó khăn về thị trường, chính sách vĩ mô, khiến nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp hoạt động kinh doanh, cắt giảm lao động và KSS không nằm ngoài diễn biến chung đó.

Trong năm 2022, để kiện toàn hoạt động kinh doanh, tối ưu chi phí, KSS đã thúc đẩy năng suất nhân viên một cách hiệu quả nhất và đồng thời đưa ra các quyết định hợp lý trong việc điều chỉnh tinh giảm, bố trí lại nhân sự. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại đội ngũ, số lượng nhân sự tính đến 31/12/2022 còn 150 người, bằng 44% so với thời điểm 31/12/2021.

Mặc dù số lượng nhân sự giảm nhiều, KSS vẫn duy trì số lượng nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm hơn 90% tổng số lao động, đồng thời bố trí hợp lý, kết hợp hài hòa lao động giữa các độ tuổi nhằm đảm bảo tính ổn định và năng suất lao động trong hoạt động của Công ty.



Thống kê nhân sự theo độ tuổi và theo trình độ

Cùng với đó, KSS duy trì và cố gắng ngày càng hoàn thiện Chính sách nhân sự và các chế độ đãi ngộ tốt nhằm giữ chân CBNV trong năm 2022, một số chính sách nhân sự tiêu biểu năm 2022 gồm:

- (a) Chế độ đánh giá và chi trả lương vận hành theo quý;
- (b) Tổ chức Khám sức khỏe định kỳ cho CBNV;
- (c) Mua bảo hiểm sức khỏe 24/7 cho CBNV.

Ngoài ra, KSS còn chú trọng việc tổ chức các hoạt động đào tạo, văn hóa, gắn kết CBNV, chia sẻ định hướng phát triển của KSS, cũng như xây dựng cầu nối vững chắc giữa CBQL và CBNV trên tinh thần thấu hiểu, tôn trọng và cùng nhau phát triển:



- (a) Tổ chức các hoạt động gắn kết CBNV, xây dựng văn hóa KSS: “Happy Hours”, “Em là để yêu Thương”, thành lập “CLB bóng đá KSSer”, “CLB Yoga”, “Dance Club”, “KSS Radio”, “Tranh biện KSSer”;
- (b) Tổ chức các chương trình nâng cao kiến thức cho CBNV và cấp quản lý: “Thực hành 5S”, “Đọc sách cùng KSSers”, “Kỹ năng văn phòng”, “Thấu hiểu và hợp tác”, “Thiết kế báo cáo Dashboard Excel”, “Kỹ năng lãnh đạo bản thân”;
- (c) Ra mắt hệ thống đào tạo trực tuyến KSS (KSS E-Learning) mang đến sự tiện lợi cho CBNV trong quá trình học tập và nâng cao năng lực cá nhân mọi lúc, mọi nơi;
- (d) Chính thức thành lập Công đoàn KSS, tổ chức đại diện quyền lợi cho Người lao động;
- (e) Trang bị kiến thức chứng khoán cho CBNV thông qua các khóa đào tạo nội bộ: Chứng khoán cơ sở, Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán, phân tích kỹ thuật cơ bản; và
- (f) Tổ chức chương trình đào tạo tân tuyển cho CBNV mới.

6.4. Văn hóa doanh nghiệp

Tăng cường công tác đào tạo và truyền thông nội bộ nhằm phát triển năng lực đội ngũ, đa dạng chương trình, nội dung và phương thức đào tạo: văn hóa, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng; và từng bước nâng cao, cải tiến ứng dụng công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

7. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tử tế - Tận tâm - Thấu hiểu được xem là kim chỉ nam cho hoạt động của KSS, chính vì thế, KSS luôn muốn hướng đến mục tiêu đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất:

- (a) Xây dựng các sản phẩm tài chính đa dạng, giao diện trực quan, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng và các nhu cầu khác nhau;
- (b) Trải nghiệm dịch vụ đồng nhất, nhanh chóng, đơn giản và bảo mật; và
- (c) Lắng nghe, thấu hiểu khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm.

7.1. Tiếp tục nâng cấp công nghệ để gia tăng trải nghiệm khách hàng

KSS hoàn thành việc xây dựng hạ tầng cho trung tâm dữ liệu mới của KSS đặt tại Hà Nội để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, phát triển các ứng dụng và sản phẩm chiến lược của KSS trên nguyên tắc tuân thủ các yêu cầu của UBCK, SGDCK cũng như đảm bảo cho việc tăng trưởng của KSS trong giai đoạn 2022-2024.

Các sản phẩm ứng dụng mới được chuyển đổi và phát triển từng phần để đưa tới khách hàng sản phẩm tốt và nhanh.

7.2. “Con người là nhân tố cốt lõi của Tổ chức”

KSS định vị mình là công ty tài chính công nghệ đem đến những trải nghiệm và “Tài chính Hạnh phúc” dành cho Khách hàng, vì thế, triết lý xây dựng con người luôn phản ánh đúng tinh thần và định hướng của KSS.

Với triết lý “Con người là nhân tố cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu và sự phát triển bền vững của Tổ chức”, KSS không ngừng nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, cũng như liên tục cập nhật, điều chỉnh Chính sách nhân sự với chế độ đãi ngộ phù hợp với từng thời kỳ và định hướng kinh doanh.

Giá trị con người luôn được đặt lên hàng đầu với 4 tiêu chí:

- Luôn chủ động, không ngừng học hỏi và nâng cao năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn;
- Khao khát thúc đẩy bản thân song hành với sức trẻ, nhiệt huyết, không ngại thử thách, dám sáng tạo, dám hành động;
- Thái độ Thân thiện - Hòa đồng - Tôn trọng - Gắn kết; và
- Mỗi cá nhân là đối tác của nhau dựa trên tinh thần: Hợp tác - Phát triển - Thành công.

7.3. Chủ động xây dựng văn hóa doanh nghiệp

KSS luôn kiên trì, bền bỉ và đồng lòng với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân văn, hiệu quả và hiệu suất cao. Mọi người sẽ chia trong cuộc sống, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, lúc hoạn nạn khó khăn. Mỗi thành viên của KSS học hỏi nhau để hoàn thiện nhân cách và phát triển văn hóa mang tính nhân văn thông qua 4 yếu tố: Trung thực, Nhân ái, Công bằng và Cam kết.

8. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

8.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1,500.08 ✓	1.792.20 ✓	19.47%
Doanh thu hoạt động kinh doanh	604.98	709.97	17.35%
Lợi nhuận trước thuế	338.31	411.69	21.69%

8.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	4.90	6.39	30.38%
II Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay tổng tài sản	0.79	0.43	(45.62%)

III Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.21	0.16	(24.48%)
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0.26	0.18	(29.00%)

IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	45.59%	46.31%	1.58%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	23.14%	21.73%	(6.09%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	18.37%	18.34%	(0.16%)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	55.83%	60.30%	8.01%

9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**9.1. Hoạt động kinh doanh của KSS năm 2022****(a) Bối cảnh chung**

Năm 2022 Việt Nam phải đối mặt với những bất ổn về diễn biến mặt bằng lãi suất và tỷ giá VND/USD khi kinh tế thế giới chuyển dịch từ chu kỳ nở lỏng tiền tệ sang thắt chặt tiền tệ với mặt bằng lãi suất toàn cầu tăng cao. Mặt bằng lãi suất huy động của Việt Nam cũng tăng mạnh vào cuối năm 2022 (hơn 2% so với mức đầu năm).

Thị trường chứng khoán Việt Nam chịu ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán toàn cầu, khi nhiều nền kinh tế trên thế giới thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt.

Tính đến hết ngày 31/12/2022: (i) vốn hóa sàn HOSE đạt 4.02 triệu tỷ đồng, giảm 31.18% từ mức vốn hóa 5.83 triệu tỷ đồng đạt được vào cuối 2021, cắt đứt chuỗi tăng về quy mô kéo dài từ năm 2011; (ii) chỉ số VN Index đạt 1,007.09 điểm, giảm 32.8% so với cuối năm 2021.

(b) Hoạt động kinh doanh năm của KSS năm 2022

Trước các diễn biến bất lợi của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, KSS đã nỗ lực trong việc duy trì hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng của Hội đồng quản trị ("HĐQT"). Tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") giao, nhưng trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành cùng toàn thể các đơn vị, cán bộ nhân viên KSS đã cùng nhau cố gắng, để Công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

(i) Tổng doanh thu 2022 đạt 710.89 tỷ đồng; (i) đạt 79.91% so với kế hoạch được giao. Trong đó, doanh thu tự doanh đạt 181.14%, doanh thu môi giới chứng khoán đạt 99.43%, doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán đạt

53.36% so với kế hoạch. Nguyên nhân của việc chưa hoàn thành kế hoạch về tổng doanh thu, là do KSS thực hiện miễn giảm phí dịch vụ trái phiếu cho các Tổ chức phát hành trái phiếu, việc này đã được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 4 ngày 30/12/2022; (ii) bằng 117.44% so với tổng doanh thu thực hiện năm 2021, tăng 105.58 tỷ đồng so với năm 2021. Một số loại doanh thu trọng yếu so với cùng kỳ năm 2021 có thể kể đến như: doanh thu tự doanh tăng 18.8 tỷ đồng, đạt 120.86%; doanh thu hoạt động đại lý lưu ký chứng khoán tăng 147.61 tỷ đồng, đạt 168.93%; doanh thu môi giới chứng khoán giảm 88.69 tỷ, đạt 59.76% so với cùng kỳ.

- (ii) Đồng thời, KSS đã quản lý chi phí hiệu quả, tối ưu nguồn lực, tổng chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý tăng 29.99 tỷ đồng, đạt 111.21% so với cùng kỳ. Tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng doanh thu đã giúp cho Lợi nhuận trước thuế tăng 73.38 tỷ đồng, đạt 121.69% so với cùng kỳ, đạt 411.69 tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện 2022 /Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022 /Thực hiện 2021	
					Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
I.	Tổng doanh thu	605.31	889.66	710.89	(178.77)	79.91%	105.58	117.44%
1.	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	604.98	889.66	709.97	179.69	79.80%	104.99	117.35%
1.1.	Doanh thu tự doanh	90.11	60.12	108.90	48.78	181.14%	18.80	120.86%
1.2.	Doanh thu môi giới	220.38	132.45	131.69	(0.76)	99.43%	(88.69)	59.76%
1.3.	Doanh thu đại lý lưu ký	214.15	677.94	361.76	(316.18)	53.36%	147.61	168.93%
1.4.	Doanh thu khác	80.34	19.15	107.62	88.47	561.97%	27.27	133.95%
2.	Doanh thu tài chính	0.33		0.92	0.92		0.59	279.73%

II.	Chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý	267.60	439.20	297.59	(141.61)	67.76%	29.99	111.21%
III.	Lợi nhuận trước thuế	338.31	450.46	411.69	(38.77)	91.39%	73.38	121.69%

(c) Một số thành tựu khác của Ban điều hành KSS trong năm 2022

Tổng giám đốc và Giám đốc điều hành cũng đã điều hành KSS đạt được một số thành tựu trong năm 2022:

- (i) Trụ sở của KSS được chuyển ra Hà Nội;
- (ii) Hoàn thành việc kiểm tra/rà soát thuế với Cục thuế TPHCM (thời gian kiểm tra từ tháng 1/2014 đến hết tháng 5/2022); và
- (iii) Kiện toàn lại bộ máy tổ chức và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

9.2. Kế hoạch kinh doanh của KSS năm 2023

(a) Mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng doanh thu	172 ✓
2	Chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý	72 ✓
3	Lợi nhuận trước thuế	100 ✓

(b) Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2023

- (i) Tiếp tục duy trì và kiện toàn các hoạt động mang lại doanh thu chính cho KSS:
 - Hoạt động lưu ký chứng khoán và các dịch vụ liên quan.
 - Hoạt động tự doanh.
- (ii) Nâng cao năng lực quản trị:
 - Hoàn thiện xây dựng các Quy trình/Quy định liên quan đến hoạt động Vận hành nghiệp vụ; Quản trị rủi ro; Công nghệ thông tin;
 - Tiếp tục kiểm soát tốt chi phí kinh doanh, chi phí hoạt động; và
 - Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, tối ưu và tăng năng suất lao động.
- (ii) Từng bước nâng cấp và kiện toàn hệ thống Công nghệ thông tin.

10. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA KSS

10.1. Bối cảnh chung

Sau những năm tăng trưởng mạnh, năm 2022 là một năm khó khăn đối với chứng khoán toàn cầu cũng như chứng khoán Việt Nam. Chỉ số VNindex có năm giảm đầu tiên sau 3 năm tăng liên tiếp, đây cũng là năm có mức giảm mạnh nhất (-32.8% so với cuối năm 2021) chỉ sau năm khủng hoảng tài chính 2008. Nhịp sụt giảm mạnh do tác động của thay đổi chính sách, lạm phát cao và mức độ nghiêm trọng của khủng hoảng thanh khoản.

Năm 2022, tình hình thế giới biến động phức tạp, xung đột Nga - Ukraine kéo dài, lạm phát thế giới tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ và hậu quả của đại dịch COVID-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Những điều này cũng đã gây ảnh hưởng đến hầu hết các thị trường chứng khoán thế giới, và thị trường chứng khoán ("TTCK") Việt Nam cũng không ngoại lệ.

Sau khi tiếp tục giữ đà tăng trưởng của năm 2021 trong quý I/2022, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh giảm mạnh, bắt đầu từ tháng 4/2022, xen kẽ những đợt phục hồi vào tháng 5, tháng 8 và cuối tháng 11/2022. Chỉ số thị trường có mức tăng mạnh mẽ trong những tháng đầu năm, trong đó đạt mức đỉnh lịch sử là 1,528.57 điểm vào ngày 6/1/2022. Nhưng sau đó, trước những ảnh hưởng đến từ tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh mạnh và đạt mức thấp nhất vào ngày 15/11/2022 khi chỉ số VN- Index đóng cửa ở mức 911.9 điểm; sau đó đã có những tuần hồi phục tích cực. Chỉ số VN-Index đóng cửa ngày 30/12/2022 là 1,007.09 điểm, giảm 32.8% so với cuối năm 2021; chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 205.31 điểm, giảm 56.7% so với cuối năm 2021.

Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị ("HĐQT") KSS đã kịp thời đưa ra các định hướng phù hợp, bám sát hoạt động điều hành theo tình hình thực tế, giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn, tối đa hóa doanh thu và giảm chi phí.

10.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2022

(a) Tổ chức, nhân sự của HĐQT

HĐQT của KSS tại thời điểm ngày 31/12/2022 gồm có 03 thành viên, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT. Trong năm 2022, HĐQT có một số biến động về nhân sự, cụ thể là:

- (i) Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT cũ là ông Nguyễn Nam Hưng ngày 18/07/2022 và bầu bà Đỗ Thị Định là Chủ tịch HĐQT đương nhiệm ngày 19/07/2022.
- (ii) Miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT là ông Nguyễn Nam Hưng và bà Nguyễn Thị Mai Hương ngày 20/08/2022.

Đến nay, HĐQT hoạt động với 03 thành viên, bao gồm:

- 1) Bà Đỗ Thị Định – Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo Pháp luật;
- 2) Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Thành viên HĐQT; và
- 3) Bà Nguyễn Thủy Nguyên – Thành viên HĐQT.

(b) Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT năm 2022

HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định pháp luật và nội bộ KSS.

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện 21 cuộc họp, thông qua 21 Nghị quyết, chi tiết các cuộc họp của HĐQT năm 2022:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	1101/2022/NQ-HĐQT	10/01/2022	Thay đổi Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của KSS	5/5
2	0301/2022/NQ-HĐQT	03/01/2022	Thông qua nội dung họp trình Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2022	5/5
3	01/2022/NQ-HĐQT	23/02/2022	Bổ sung địa điểm thành lập văn phòng đại diện	5/5
4	0303/2022/NQ-HĐQT	03/03/2022	Sửa đổi nội dung và ban hành toàn văn Phương án phát hành cổ phần	5/5
5	1403/2022/NQ-HĐQT	14/03/2022	Kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022	5/5
6	1304/2022/NQ-HĐQT	13/04/2022	Thông qua nội dung họp trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	5/5
7	2104/2022/NQ-HĐQT	21/04/2022	Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh và chi phí đầu tư văn phòng	5/5
8	1805/2022/NQ-HĐQT	18/05/2022	Bổ nhiệm Giám đốc điều hành	5/5
9	1801/2022/NQ-HĐQT	18/05/2022	Thông qua việc thay đổi nhân sự cấp cao	5/5
10	05/2022/NQ-HĐQT	18/07/2022	Thông qua việc thay đổi nhân sự cấp cao của KSS	5/5
11	06/2022/NQ-HĐQT	18/07/2022	Thông qua việc ấn định ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường lần thứ 2 năm 2022	5/5
12	08/2022/NQ-HĐQT	19/07/2022	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2022 cho KSS	3/3
13	11/2022/NQ-HĐQT	20/08/2022	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc	3/3
14	11A/2022/NQ-HĐQT	20/08/2022	Thông qua việc phê duyệt hạn mức các sản phẩm KOS	3/3
15	12/2022/NQ-HĐQT	21/08/2022	Nghị quyết ban hành Phương pháp luận danh mục giao dịch ký quỹ	3/3

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
16	14/2022/NQ-HĐQT	17/10/2022	Thông qua tờ trình ĐHĐCĐ và ấn định ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường lần thứ 3 năm 2022	3/3
17	15/2022/NQ-HĐQT	25/10/2022	Thông qua Cơ cấu tổ chức, phân quyền Ban điều hành KSS	3/3
18	17/2022/NQ-HĐQT	05/12/2022	Kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường	3/3
19	18/2022/NQ-HĐQT	07/12/2022	Đóng cửa văn phòng đại diện tại các tỉnh	3/3
20	19/2022/NQ-HĐQT	16/12/2022	Miễn nhiệm Giám đốc điều hành	3/3
21	21/2022/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thay đổi nhân sự Công ty	3/3

(c) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Giám đốc điều hành

HĐQT thực hiện vai trò quản trị thông qua các Quyết Định/Nghị Quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành. Theo đó, Tổng giám đốc và Giám đốc điều hành có trách nhiệm triển khai các Quyết Định/Nghị Quyết này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo hoạt động của KSS được tiến hành đúng với quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ khác, Tổng giám đốc và Giám đốc điều hành quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của KSS, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh do HĐQT và ĐHĐCĐ giao.

HĐQT đánh giá Tổng giám đốc và Giám đốc điều hành đã chú trọng nâng cao công tác quản lý rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ, quy định pháp luật.

Đối với kết quả kinh doanh năm 2022, HĐQT ghi nhận sự đóng góp và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên KSS. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán, và tình hình nhân sự của KSS biến động lớn, KSS vẫn hoàn thành 91.39% kế hoạch Lợi nhuận trước thuế, đạt 411.69 tỷ đồng, đồng thời doanh thu vẫn có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

- (i) Tổng doanh thu 2022 đạt 710.89 tỷ đồng, tăng 105.58 tỷ đồng (tương ứng tăng 17.44%) so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu tự doanh tăng 18.8 tỷ đồng (tương ứng tăng 20.86%), doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán tăng 147.61 tỷ đồng (tương ứng tăng 68.93%), doanh thu môi giới chứng khoán giảm 88.69 tỷ đồng (tương ứng giảm 40.24%).
- (ii) Đồng thời, KSS đã quản lý chi phí hiệu quả, tối ưu nguồn lực, tổng chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý tăng 29.99 tỷ đồng (tương

ứng tăng 11.21%), tốc độ tăng chi phí thấp hơn 6.24% so với tốc độ tăng doanh thu giúp cho Lợi nhuận trước thuế tăng 73.38 tỷ đồng (tương ứng tăng 21.69%), đạt 411.69 tỷ đồng.

Chi tiết đánh giá các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đồng)	Thực hiện 2022 /Kế hoạch 2022		Thực hiện 2022 /Thực hiện 2021	
					Giá trị (tỷ đồng)	%	Giá trị (tỷ đồng)	%
I.	Tổng doanh thu	605.31	889.66	710.89	(178.77)	79.91%	105.58	117.44%
1.	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	604.98	889.66	709.97	179.69	79.80%	104.99	117.35%
1.1.	<i>Doanh thu tự doanh</i>	90.11	60.12	108.90	48.78	181.14%	18.80	120.86%
1.2.	<i>Doanh thu môi giới</i>	220.38	132.45	131.69	(0.76)	99.43%	(88.69)	59.76%
1.3.	<i>Doanh thu đại lý lưu ký</i>	214.15	677.94	361.76	(316.18)	53.36%	147.61	168.93%
1.4.	<i>Doanh thu khác</i>	80.34	19.15	107.62	88.47	561.97%	27.27	133.95%
2.	Doanh thu tài chính	0.33		0.92	0.92		0.59	279.73%
II.	Chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý	267.60	439.20	297.59	(141.61)	67.76%	29.99	111.21%
III.	Lợi nhuận trước thuế	338.31	450.46	411.69	(38.77)	91.39%	73.38	121.69%

10.3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023

- (a) Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, việc mở rộng hoạt động kinh doanh được HĐQT đánh giá là chưa phải thời điểm thích hợp. Do đó trong năm 2023, KSS tập trung cải thiện, hoàn thiện tốt hơn các dịch vụ hiện tại, cùng chia sẻ khó khăn với các đối tác chiến lược, tối ưu hóa nguồn lực, tiết kiệm chi phí tối đa nhằm đảm bảo Công ty vẫn có lợi nhuận;
- (b) Nâng cao chất lượng của bộ máy quản trị điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc;
- (c) Tiếp tục nghiên cứu và kiện toàn hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ của KSS;
- (d) Nâng cao chất lượng và tối ưu hóa nguồn nhân lực;
- (e) Nghiêm túc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh và vận hành, góp phần đảm bảo sự bền vững, an ninh của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế nói chung; Tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ uy tín và phù hợp nhất; và
- (f) Xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, hướng đến văn phòng “xanh” (tiết kiệm điện, giấy....).

11. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) TRONG NĂM 2022

11.1. Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

- (a) Tổ chức Ban kiểm soát

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS bầu thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ năm (05) năm từ năm 2021 – 2026 và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát thì thành viên Ban Kiểm soát Công ty năm 2022, bao gồm:

- | | | |
|--------------------------|------------|----------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23/04/2021 |
| - Ông Dương Thành Trung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/04/2021 |
| - Ông Dương Tuấn Dũng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 19/08/2022 |
| - Ông Nguyễn Đức Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/08/2022. |

- (b) Các công tác đã thực hiện và thu lao năm 2022

Trong năm 2022, hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm, nhưng không giới hạn:

- (i) Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- (ii) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2022;
- (iii) Giám sát tình hình tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty; và

- (iv) Giám sát tình hình tài chính, kế toán của Công ty.
- (v) Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức họp 2 lần theo quy định tại Điều 289, Nghị định 155/2020/NĐ-CP với tỷ lệ thành viên tham dự và đồng thuận phù hợp theo quy định.

Năm 2022, Thành viên Ban kiểm soát chưa nhận thù lao của năm 2021 và năm 2022. Lương và các lợi ích khác: không có.

11.2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:

- (a) Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT công ty. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 21 cuộc họp, ban hành 21 Nghị quyết. Các cuộc họp đều được ghi nhận bằng biên bản. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty.
- (b) Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết và quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho Ban điều hành.
- (c) Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
 - (i) Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung họp trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
 - (ii) Thông qua việc bổ sung địa điểm, đóng cửa các văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm chi nhánh tại Hồ Chí Minh và chi phí đầu tư văn phòng;
 - (iii) Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự thuộc HĐQT và ban điều hành;
 - (iv) Thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm 2022 của Công ty.
 - (v) Quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC năm 2022;
 - (vi) Các công việc khác theo thẩm quyền.
- (d) Các thành viên Hội đồng quản trị không có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.
- (e) Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm..

11.3. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

- (a) Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022: Năm 2022 tuy có nhiều sự khó khăn về điều kiện kinh doanh do hậu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, nhưng KSS đã cố gắng nỗ lực để duy trì nhịp độ kinh doanh bám sát với nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Ban điều hành đã sát sao trong việc chỉ đạo các phòng ban tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, nỗ lực kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.

- (b) *Về công tác đầu tư, kinh doanh:* Công ty tập trung các hoạt động kinh doanh đang là thế mạnh: đầu tư tài chính, lưu ký, các dịch vụ liên quan trái phiếu.... Với chiến lược hoạt động kinh doanh vào các mũi nhọn này, Công ty tập trung vào việc khai thác ổn định và hiệu quả các hoạt động kinh doanh hiện có nên không có khoản đầu tư nào ra bên ngoài trong năm 2022.
- (c) *Về công tác nhân sự:* Ban Điều hành đã đề nghị Hội đồng Quản trị phê duyệt thay đổi nhân sự cấp cao phù hợp với các quy định và quy chế của Công ty.
- Đánh giá chung:*
- (d) Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần quyết định vào việc Công ty vẫn có lãi trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế. Ban điều hành đã ban hành các quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- (e) Các thành viên Ban điều hành cũng như các bộ phận quản lý không có những hành vi lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.
- (f) Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Ban điều hành năm 2022.

11.4. Thẩm định Báo cáo Tài chính

- (a) Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập đầy đủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và gửi đúng hạn theo yêu cầu của các cơ quan quản lý.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán. Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- (b) Kết quả kinh doanh

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH 2022	TH2022/TH2021
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6= 5/4)	(7= 5/3)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	605	890	711	79.9%	117.4%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	338	450	412	91,5%	121,7%

Năm 2022 là một năm khó khăn với các doanh nghiệp Việt Nam. Tổng doanh thu Công ty đạt được 711 tỷ, lợi nhuận trước thuế đạt 412 tỷ đồng đạt lần lượt 79.91% và 91.39% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù chịu nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì, kết quả hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh năm 2022 cũng tăng trưởng với tổng doanh thu đạt 117.44%, lợi nhuận trước thuế đạt 121.69% so với năm 2021.

Về tình hình tài chính: Công tác quản lý tài chính của Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty, phù hợp với các chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành. Tình hình tài chính 31/12/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
1	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản</i>				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	97.4	98.0	(0.6)
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	2.6	2.0	0.6
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15.6	20.6	(5.1)
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84.4	79.4	5.1
3	<i>Khả năng thanh toán</i>				
	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	6.39	4.90	1.49
	Khả năng thanh toán tức thời (Tiền/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.15	1.03	(0.88)
4	<i>Tỷ suất sinh lời</i>				
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	46.3	45.6	0.7
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24.3	45.3	(21)

(i) Cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Công ty là 1.792.2 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

Tổng tài sản ngắn hạn là 1.746.3 tỷ đồng chiếm 97.4% tổng tài sản, tăng 276 tỷ đồng tương đương tăng 18.8% so với năm 2021. Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản ngắn hạn là các khoản đầu tư tài chính với giá trị là 1.004.7 tỷ đồng, chiếm 57.5%; các khoản phải thu là 690.4 tỷ đồng chiếm

tỷ trọng 39.4%. Tài sản ngắn hạn tăng nguyên nhân chính là do năm 2022 công ty đã thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh.

Tổng tài sản dài hạn là 45.9 tỷ đồng, chiếm 2.6% tổng tài sản, tăng 16,1 tỷ đồng tương đương tăng 54.1% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do công ty tăng cường mua sắm tài sản cố định, công cụ dụng cụ phục vụ kinh doanh để hạn chế phải thuê các dịch vụ bên ngoài.

(ii) Cơ cấu vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty là 1,792.2 tỷ đồng, gồm các khoản mục sau:

Tổng nợ phải trả là 279.3 tỷ đồng, chiếm 15.6% tổng nguồn vốn, giảm 30 tỷ đồng tương đương 9.8% so với năm 2021. Trong đó, chủ yếu là nợ ngắn hạn. Chiếm tỷ trọng lớn trong nợ ngắn hạn là các khoản doanh thu chưa thực hiện với giá trị 204 tỷ đồng chiếm 74.7%.

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.512.9 tỷ đồng, chiếm 84.4% tổng nguồn vốn. Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty là 491.2 tỷ, tăng 322.4 tỷ so với lợi nhuận năm 2021.

(iii) Về khả năng thanh toán

Trong năm 2022, các chỉ số thanh toán của Công ty đều tăng, đảm bảo khả năng tài chính sẵn sàng thanh toán cho các nghĩa vụ trả nợ ngắn hạn, tình hình tài chính của doanh nghiệp được duy trì ổn định, an toàn.

(iv) Về tỷ suất sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROA) của Công ty năm 2022 đạt 46.3%, tăng 0.7% so với năm 2021 (ROA năm 2021 là 45.6%) phản ánh hiệu quả kinh doanh của Công ty trong việc kiểm soát chi phí hoạt động với mục tiêu tối thiểu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty năm 2022 lại giảm so với năm 2021 với tỷ lệ giảm là 21% (ROE năm 2022 là 24.3%, ROE năm 2021 là 45.3%) cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty đang giảm so với năm 2021

(v) Về giao dịch giữa Công ty và Bên liên quan

Giao dịch với Bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2022 được thuyết minh theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán. Các giao dịch đã được xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

11.5. Đề xuất và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát

(a) Đề xuất của Ban Kiểm soát.

Qua kiểm tra đánh giá hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát có các ý kiến đề xuất như sau:

- (i) Năm 2022, do ảnh hưởng tình hình kinh tế, hoạt động kinh doanh ở các lĩnh vực đều gặp rất nhiều khó khăn. Việc mở rộng hoạt động kinh doanh được BKS đánh giá là chưa phải là thời điểm thích hợp. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị sẽ có thêm những biện pháp mới, chỉ đạo mới hiệu

quả hơn nữa để định hướng kế hoạch hành động cho Ban Điều Hành thực hiện tốt hơn các mục tiêu kế hoạch trong năm 2023.

- (ii) Bên cạnh đó, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tăng cường hoạt động của Phòng Kiểm soát nội bộ để thực hiện nhiệm vụ thanh kiểm soát rủi ro, đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban lãnh đạo.
- (b) Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.
- (i) Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
 - (ii) Thực hiện kiểm soát hoạt động 6 tháng/lần và bất thường (nếu cần thiết).
 - (iii) Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022.
 - (iv) Ngoài ra, sẽ thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trích xuất từ Báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022

12.1. Ý kiến kiểm toán




Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinacorex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 082 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán KS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 02 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

12.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN K5
Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B01-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		1.746.251.279.451	1.470.253.518.991
I. Tài sản tài chính	110		1.739.601.100.682	1.466.606.922.966
1. Tiền	111	5	40.620.449.915	308.057.085.911
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	1.004.671.072.000	989.583.616.200
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	-	115.500.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7	542.531.797	942.630.757
5. Các khoản phải thu	117		690.393.134.577	1.908.147.256
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	8	688.764.974.000	-
5.2. Phải thu về dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	8	1.628.160.577	1.908.147.256
5.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	8	1.628.160.577	1.908.147.256
6. Trả trước cho người bán	118		315.693.730	375.840.650
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	706.885.100	49.275.268.285
8. Các khoản phải thu khác	122	8	2.351.333.563	964.333.907
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		6.650.178.769	3.646.596.025
1. Tạm ứng	131		-	240.050.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	3.537.181.636	3.291.774.995
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		240.750.868	114.771.030
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		2.872.246.265	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250)	200		45.947.624.679	29.823.747.000
I. Tài sản cố định	220		38.839.774.567	22.373.093.086
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	20.720.578.328	3.993.871.243
- Nguyên giá	222		26.493.530.299	6.851.749.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.772.951.971)	(2.857.878.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	18.119.196.239	18.379.221.843
- Nguyên giá	228		26.316.507.272	20.972.334.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8.197.311.033)	(2.593.112.429)
II. Tài sản dài hạn khác	250		7.107.850.112	7.450.653.914
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		672.150.920	663.395.920
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	9	5.119.707.057	6.452.032.733
3. Tiền nộp Quý Hỗ trợ thanh toán	254	12	1.315.992.135	335.225.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.792.198.904.130	1.500.077.265.991

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
 Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B01-CTCK

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		279.337.815.660	309.604.876.074
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		273.221.544.660	299.923.692.834
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	13	24.642.942.157	114.012.883.892
1.1. Vay ngắn hạn	312		24.642.942.157	114.012.883.892
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		120.143.486	-
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	14	8.845.386.314	8.506.463.275
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	9.677.668.432	51.153.881.825
5. Phải trả người lao động	323		6.634.204.889	40.932.471.379
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		302.521.600	-
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	14.472.450.824	766.105.095
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	17	204.017.507.075	68.887.156.308
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	18	341.975.435	15.664.731.060
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		4.166.744.448	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		6.116.271.000	9.681.183.240
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	27	6.116.271.000	9.681.183.240
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.512.861.088.470	1.190.472.389.917
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.512.861.088.470	1.190.472.389.917
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết 411.1a			1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.618.277.150	10.618.277.150
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		10.618.277.150	10.618.277.150
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		491.251.504.170	168.862.805.617
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		466.786.420.170	130.138.072.657
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		24.465.084.000	38.724.732.960
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		1.792.198.904.130	1.500.077.265.991

KSS
T
H
T
O
T
N
N
N

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS

MẪU SỐ B01-CTCK

Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		100.037.303	100.037.303
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	20.1	17.475.060.000	17.475.060.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		17.475.060.000	17.475.060.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	20.2	861.300.000.000	945.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	20.3	3.907.998.360.000	1.217.793.510.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.665.678.460.000	264.192.680.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		101.990.000	17.046.830.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		2.238.596.330.000	585.000.000.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		380.000	350.144.000.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		3.621.200.000	1.410.000.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	20.4	62.510.000	110.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		62.510.000	110.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	20.5	23.480.000	6.103.070.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS

MẪU SỐ B01-CTCK

Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)				
4.1 Tiền gửi của khách hàng	026	20.6	5.197.030.778	386.779.004.845
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		5.156.367.828	377.152.969.205
4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		12.891.362	9.579.349.562
4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		27.771.588	46.686.078
5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	20.7	5.169.259.190	386.732.318.767
5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.713.496.908	385.318.662.975
5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		455.762.282	1.413.655.792
6. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	46.686.078
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		27.771.588	-



Người lập
Trần Thị Kim Oanh



Kế toán trưởng
Nguyễn Đức Tùng



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Minh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS

MẪU SỐ B02-CTCK

Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	21	103.054.046.225	85.511.498.916
a. Lãi bán các tài sản tài chính (FVTPL)	01.1	21.1	109.310.897.107	35.031.115.544
b. Chênh lệch tổng đánh giá lại các tài sản tài chính (FVTPL)	01.2	21.2	(17.824.561.200)	48.405.916.200
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính (FVTPL)	01.3	21.3	11.567.710.318	2.074.467.172
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	21.3	5.849.404.110	3.975.164.382
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	21.3	8.755.205.365	37.673.307
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	21.4	131.689.962.556	220.381.419.621
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	21.4	-	19.900.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	21.4	361.756.428.725	214.147.109.293
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11	21.4	98.862.512.080	60.405.201.416
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+06+07+09+11)	20		709.967.559.061	604.358.066.935
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	22	134.190.228.926	187.225.944.575
2.2. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	68.813.300
2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		6.009.775.805	1.126.249.147
2.4. Chi phí các dịch vụ khác	32		180.686.505	355.463.681
Cộng chi phí hoạt động (40=27+28+30+32)	40		140.380.691.236	188.776.470.703
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		699.019.138	328.501.114
3.2. Doanh thu khác về đầu tư	44		221.313.854	509.000
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=42+44)	50	23	920.332.992	329.010.114
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		9.998.611.675	9.053.978
4.2. Chi phí tài chính khác	55		5.752.416.753	9.682.192
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	24	15.751.028.428	18.736.170

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

MẪU SỐ B02-CTCK

Tầng 1 và Tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	(Trình bày lại) VND
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	25	141.457.354.354	78.186.433.921
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		413.298.818.035	337.705.436.255
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71	26	6.056.617.157	1.089.564.252
7.2. Chi phí khác	72	26	7.669.173.541	486.948.695
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		(1.612.556.384)	602.615.557
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		411.686.261.651	338.308.051.812
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		429.510.822.851	289.902.135.612
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(17.824.561.200)	48.405.916.200
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		82.926.596.808	62.780.321.865
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	86.491.509.048	53.099.138.625
9.2. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	(3.564.912.240)	9.681.183.240
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		328.759.664.843	275.527.729.947
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		3.286	4.145
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	28	3.286	4.145
11.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		3.286	4.145

Thanh




Người lập
Trần Thị Kim Đan

Kế toán trưởng
Nguyễn Đức Tùng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Minh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

MẪU SỐ B03-CTCK

Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đan hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(10.951.821.645.871)	(8.990.800.858.079)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	10.445.971.029.105	7.950.029.674.660
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(910.924.620)	-
4. Tiền lãi đã thu	05	27.272.706.432	22.782.421.933
5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(8.148.748.953)	-
6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(1.722.251.476)	(1.393.764.479)
7. Tiền chi trả cho người lao động	08	(193.745.124.604)	(106.299.263.594)
8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(140.994.423.212)	(21.691.859.266)
9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	1.527.297.594.336	574.826.104.341
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(852.007.571.530)	(105.596.781.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.809.360.393)	(678.144.326.123)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(27.564.559.280)	(17.665.913.800)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	57.543.220	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.507.016.060)	(17.665.913.800)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	889.834.570.000
2. Tiền vay gốc	33	836.718.342.208	114.003.201.700
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(927.838.601.751)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(91.120.259.543)	1.003.837.771.700
IV. Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm	50	(267.436.635.996)	308.027.531.777
V. Tiền đầu năm	60	308.057.085.911	29.554.134
1. Tiền	61	308.057.085.911	29.554.134
VI. Tiền cuối năm (70=50+60)	70	40.620.449.915	308.057.085.911
1. Tiền	71	40.620.449.915	308.057.085.911

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

MẪU SỐ B03-CTCK

Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước (Trình bày lại)	
		Năm nay VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	4.497.713.440.910	4.583.327.378.080
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(4.489.290.095.128)	(9.313.083.170.490)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	(389.540.762.785)	5.112.135.219.954
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(445.642.574)	(55.885.887)
5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	3.508.119.073.815	30.200.965.930
6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(3.508.137.988.305)	(27.785.590.867)
Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm	20	(381.581.974.067)	384.738.916.720
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	386.779.004.845	2.040.088.125
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	386.779.004.845	2.040.088.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	377.152.969.205	2.018.102.125
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	9.579.349.562	21.986.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	46.686.078	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40	5.197.030.778	386.779.004.845
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	5.197.030.778	386.779.004.845
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	5.156.367.828	377.152.969.205
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	12.891.362	9.579.349.562
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	27.771.588	46.686.078

Trần Thị Kim Oanh

Người lập
Trần Thị Kim Oanh

Nguyễn Đức Tùng

Kế toán trưởng
Nguyễn Đức Tùng



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Minh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
 Tầng 1 và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


MẪU SỐ B04-CTCK


Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu	25.110.089.970	1.190.472.389.917	1.186.598.854.247	(21.236.554.300)	343.019.313.803	(20.630.615.250)	1.190.472.389.917	1.512.861.088.470
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.538.460.000	1.000.373.030.000	889.834.570.000	-	-	-	1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	110.538.460.000	1.000.373.030.000	889.834.570.000	-	-	-	1.000.373.030.000	1.000.373.030.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	10.618.277.150	10.618.277.150	-	-	-	10.618.277.150	10.618.277.150
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	10.618.277.150	10.618.277.150	-	-	-	10.618.277.150	10.618.277.150
4. (Lỗ) lũy kế/ Lợi nhuận chưa phân phối	(85.428.370.030)	168.862.805.617	275.527.729.947	(21.236.554.300)	343.019.313.803	(20.630.615.250)	168.862.805.617	491.251.504.170
4.1. (Lỗ)/ Lợi nhuận đã thực hiện	(85.428.370.030)	130.138.072.657	236.802.996.987	(21.236.554.300)	343.019.313.803	(6.370.966.290)	130.138.072.657	466.786.420.170
4.2. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	-	38.724.732.960	38.724.732.960	-	-	(14.259.648.960)	38.724.732.960	24.465.084.000
	25.110.089.970	1.190.472.389.917	1.186.598.854.247	(21.236.554.300)	343.019.313.803	(20.630.615.250)	1.190.472.389.917	1.512.861.088.470


 Người lập
 Trần Thị Kim Oanh


 Kế toán trưởng
 Nguyễn Đức Tùng



 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Đức Minh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

MẪU SỐ B09-CTCK

Tầng 1 Và Tầng 6, Toà nhà Sunshine Center
16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán KS (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Tâm Nhìn, vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 12.000.000.000 VND. Công ty chính thức đổi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KS theo Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 3 năm 2021. Ngày 15 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK cho phép tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.000.373.030.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1 và tầng 6, tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 150 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 342 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 121/2020/TT-BTC (“Thông tư 121”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư, theo đó:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - f) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
 - Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 và Điểm e Khoản 4 Điều 28, Thông tư 121.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không sở hữu công ty quản lý quỹ nào.
- Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

Một số số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được trình bày lại để phục vụ mục đích so sánh với số liệu năm nay, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
		VND	VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	86.131.287.578	(619.788.662)	85.511.498.916
a. Lãi bán các tài sản tài chính (FVTPL)	01.1	16.709.788.529	18.321.327.015	35.031.115.544
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính (FVTPL)	01.3	21.015.582.849	(18.941.115.677)	2.074.467.172
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21	619.788.662	(619.788.662)	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	619.788.662	(619.788.662)	-

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC (“Thông tư 48”) ngày 08 tháng 8 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Công ty đã áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua đi bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - Tại thời điểm ghi nhận có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

- Tài sản tài chính này là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào khoản mục chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

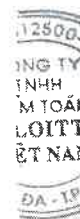
- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.



Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/ giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hoá được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá hoặc số dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/ cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/ cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/ cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhập thế chấp/ cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/ cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/ cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/ cầm cố được theo dõi trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu từ bán tài sản tài chính, lãi dự thu các tài sản tài chính và các khoản phải thu khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán: Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí lưu ký chứng khoán, phí môi giới và các phí dịch vụ khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm và tài sản cố định vô hình khác. Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 - 15 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí phần mềm, cước viễn thông, công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian trả trước phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính FVTPL, lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay và phải thu và lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân theo số lượng các tài sản tài chính bán ra.

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Các khoản thu liên quan đến doanh thu nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông theo điều lệ Công ty. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	40.620.449.915	308.057.085.911
	<u>40.620.449.915</u>	<u>308.057.085.911</u>

6. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>
	thực hiện trong năm	thực hiện trong năm
	Đơn vị	VND
Của công ty chứng khoán	190.696.504	20.278.772.303.337
Trái phiếu	190.696.504	20.278.772.303.337
	<u>190.696.504</u>	<u>20.278.772.303.337</u>
Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	116.008.471	6.881.085.916.400
Trái phiếu	20.540.000	2.054.000.000.000
	<u>136.548.471</u>	<u>8.935.085.916.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 809-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu niêm yết	87.375.300.000	117.956.655.000	87.375.300.000	135.781.216.200
Trái phiếu chưa niêm yết	886.714.417.000	886.714.417.000	341.128.200.000	341.128.200.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	512.674.200.000	512.674.200.000
Tổng cộng	974.089.717.000	1.004.671.072.000	941.177.700.000	989.583.616.200

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công cụ thị trường tiền tệ	-	không áp dụng	115.500.000.000	không áp dụng
Tổng cộng	-	-	115.500.000.000	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay				
Cho vay hoạt động Margin	542.224.830	không áp dụng	-	không áp dụng
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bản của khách hàng	306.967	không áp dụng	942.630.757	không áp dụng
Tổng cộng	542.531.797	-	942.630.757	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị: VND

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại	
				Tăng	Giảm
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	974.089.717.000	1.004.671.072.000	30.581.355.000	-
1	Cổ phiếu niêm yết	87.375.300.000	117.956.655.000	30.581.355.000	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết	886.714.417.000	886.714.417.000	-	-
II	Các khoản cho vay và phải thu	542.531.797	không áp dụng	-	-
	Tổng cộng	974.632.248.797		30.581.355.000	-

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại	
				Tăng	Giảm
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	941.177.700.000	989.583.616.200	48.405.916.200	-
1	Cổ phiếu niêm yết	87.375.300.000	135.781.216.200	48.405.916.200	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết	341.128.200.000	341.128.200.000	-	-
3	Chứng chỉ tiền gửi	512.674.200.000	512.674.200.000	-	-
II	Các khoản cho vay và phải thu	942.630.757	không áp dụng	-	-
	Tổng cộng	942.120.330.757		48.405.916.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư (*)	688.764.974.000	-
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.628.160.577	1.908.147.256
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	706.885.100	49.275.268.285
4. Phải thu khác	2.351.333.563	964.333.907
- Phải thu từ thanh lý tài sản	932.177.484	-
- Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng chứng khoán	602.263.638	671.412.239
- Khác	816.892.441	292.921.668
	693.451.353.240	52.147.749.448
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư phải thu có khả năng thu hồi</i>	<i>693.451.353.240</i>	<i>52.147.749.448</i>

(*) Số dư cuối năm phản ánh khoản phải thu từ giao dịch bán trái phiếu với Công ty Cổ phần KS Group. Khoản phải thu đã được tất toán vào ngày 17 tháng 01 năm 2023.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí phần mềm và cước viễn thông	1.780.484.830	1.487.991.754
- Chi phí bảo lãnh vay ngân hàng	-	1.140.500.000
- Công cụ dụng cụ	703.640.928	393.861.145
- Chi phí khác	1.053.055.878	269.422.096
	3.537.181.636	3.291.774.995
Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	2.809.064.528	6.031.525.018
- Chi phí phần mềm và cước viễn thông	780.464.005	271.679.286
- Chi phí khác	1.530.178.524	148.828.429
	5.119.707.057	6.452.032.733

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.304.499.308	1.860.000.000	687.250.000	6.851.749.308
Mua sắm trong năm	19.915.262.227	-	181.452.575	20.096.714.802
Thanh lý, nhượng bán	393.115.629	-	61.818.182	454.933.811
Số dư cuối năm	<u>23.826.645.906</u>	<u>1.860.000.000</u>	<u>806.884.393</u>	<u>26.493.530.299</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.683.363.943	143.333.335	31.180.787	2.857.878.065
Khấu hao trong kỳ	2.726.192.431	313.954.380	279.234.497	3.319.381.308
Thanh lý, nhượng bán	393.115.629	-	11.191.773	404.307.402
Số dư cuối năm	<u>5.016.440.745</u>	<u>457.287.715</u>	<u>299.223.511</u>	<u>5.772.951.971</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>1.621.135.365</u>	<u>1.716.666.665</u>	<u>656.069.213</u>	<u>3.993.871.243</u>
Tại ngày cuối năm	<u>18.810.205.161</u>	<u>1.402.712.285</u>	<u>507.660.882</u>	<u>20.720.578.328</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 333.690.279 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 618.885.908 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	20.115.378.000	856.956.272	20.972.334.272
Mua sắm trong năm	5.458.173.000	-	5.458.173.000
Giảm khác	114.000.000	-	114.000.000
Số dư cuối năm	<u>25.459.551.000</u>	<u>856.956.272</u>	<u>26.316.507.272</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.823.948.680	769.163.749	2.593.112.429
Khấu hao trong năm	5.579.864.285	50.750.448	5.630.614.733
Giảm khác	26.416.129	-	26.416.129
Số dư cuối năm	<u>7.377.396.836</u>	<u>819.914.197</u>	<u>8.197.311.033</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>18.291.429.320</u>	<u>87.792.523</u>	<u>18.379.221.843</u>
Tại ngày cuối năm	<u>18.082.154.164</u>	<u>37.042.075</u>	<u>18.119.196.239</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 967.502.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 967.502.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	983.414.600	72.489.980
Tiền lãi phân bổ hàng năm	212.577.535	142.735.281
	1.315.992.135	335.225.261

13. VAY NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại VND	Số dư cuối năm VND
- Vay ngân hàng	114.009.682.192		- 115.760.000.000	1.750.317.808	-
- Vay cá nhân (i)	3.201.700	836.718.342.208	812.078.601.751	-	24.642.942.157
Tổng cộng	114.012.883.892	836.718.342.208	927.838.601.751	1.750.317.808	24.642.942.157

(i) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng cho mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất từ 3,8%/năm đến 10%/năm.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà cung cấp thiết bị đầu tư trung tâm dữ liệu	6.135.309.160	-
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ thuê văn phòng và tiền điện, nước	299.702.475	2.095.948.579
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán	-	3.241.653.442
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ phần mềm	297.111.192	-
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ thiết kế website và ấn phẩm văn phòng	682.000.000	-
Phải trả nhà cung cấp thi công cải tạo văn phòng	576.527.919	-
Phải trả nhà cung cấp khác	854.735.568	3.168.861.254
	8.845.386.314	8.506.463.275

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	35.131.365.863
Thuế thu nhập cá nhân	9.677.588.522	12.209.777.941
Thuế GTGT phải nộp	79.910	3.812.738.021
	9.677.668.432	51.153.881.825

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	11.364.575.753	-
Chi phí lãi vay	1.810.818.627	9.053.978
Chi phí nâng cấp hệ thống ram máy chủ	932.431.000	-
Chi phí hoa hồng môi giới bán trái phiếu	-	475.443.790
Chi phí giao dịch	-	133.163.135
Chi phí phải trả khác	364.625.444	148.444.192
	14.472.450.824	766.105.095

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phí lưu ký	157.530.417.000	49.617.125.151
Phí quản lý tài sản đảm bảo	33.885.038.075	14.385.275.061
Phí đại diện người sở hữu trái phiếu	12.602.052.000	4.884.756.096
	204.017.507.075	68.887.156.308

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả máy tính bảng	42.547.000	1.207.775.700
Hoa hồng phải trả Cộng tác viên	47.815.997	9.530.832.969
Phải trả, phải nộp khác	251.612.438	4.926.122.391
	341.975.435	15.664.731.060

KSS - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09a-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	(Lỗ) lợi kế/ Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	110.538.460.000	-	-	(85.428.370.030)	25.110.089.970
Góp vốn trong năm	889.834.570.000	-	-	-	889.834.570.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	275.527.729.947	275.527.729.947
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	10.618.277.150	10.618.277.150	(21.236.554.300)	-
Số dư cuối năm trước	<u>1.000.373.030.000</u>	<u>10.618.277.150</u>	<u>10.618.277.150</u>	<u>168.862.805.617</u>	<u>1.190.472.389.917</u>
Số dư đầu năm nay	1.000.373.030.000	10.618.277.150	10.618.277.150	168.862.805.617	1.190.472.389.917
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	328.759.664.843	328.759.664.843
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.370.966.290)	(6.370.966.290)
Số dư cuối năm nay	<u>1.000.373.030.000</u>	<u>10.618.277.150</u>	<u>10.618.277.150</u>	<u>491.251.504.170</u>	<u>1.512.861.088.470</u>

(*) Căn cứ theo Tờ trình số 03/2022/TTr-ĐHĐCĐ Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 14 tháng 4 năm 2022, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty, trong đó mức trích lập Quỹ Khen thưởng được trình bày như trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Số cuối năm Số cổ phiếu	Số đầu năm Số cổ phiếu
Vốn cổ phần được duyệt	100.037.303	100.037.303
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	100.037.303
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	100.037.303

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

20.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	17.475.060.000	17.475.060.000
	17.475.060.000	17.475.060.000

20.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu doanh nghiệp	861.300.000.000	330.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	500.000.000.000
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	115.000.000.000
	861.300.000.000	945.000.000.000

20.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.665.678.460.000	264.192.680.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	101.990.000	17.046.830.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.238.596.330.000	585.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	380.000	350.144.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	3.621.200.000	1.410.000.000
	3.907.998.360.000	1.217.793.510.000

20.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	62.510.000	110.000
	62.510.000	110.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 809-CTCK

20.5 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu trên sàn HNX	-	2.020.000
Cổ phiếu trên sàn HOSE	23.480.000	46.420.000
Cổ phiếu trên sàn UPCoM	-	6.054.630.000
	23.480.000	6.103.070.000

20.6 Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	4.701.744.707	375.740.420.002
Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	454.623.121	1.412.549.203
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	12.891.362	9.579.349.562
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	27.771.588	46.686.078
	5.197.030.778	386.779.004.845

20.7 Phải trả nhà đầu tư của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.169.259.190	386.732.318.767
1.1. Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.713.496.908	385.318.662.975
1.2. Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	455.762.282	1.413.655.792
	5.169.259.190	386.732.318.767



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

21. THU NHẬP

21.1 Lãi bán các tài sản tài chính

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước (Trình bày lại) VND
1	Trái phiếu chưa niêm yết	92.691.752	9.884.767.657.935	9.776.006.470.567	108.761.187.368	35.031.115.544
2	Công cụ thị trường tiền tệ	302	513.432.676.862	512.882.967.123	549.709.739	-
					109.310.897.107	35.031.115.544

21.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị: VND

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm VND	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm VND	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	974.089.717.000	1.004.671.072.000	30.581.355.000	-	17.824.561.200	48.405.916.200
1	Cổ phiếu niêm yết	87.375.300.000	117.956.655.000	30.581.355.000	-	17.824.561.200	48.405.916.200
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	87.375.300.000	117.956.655.000	30.581.355.000	-	17.824.561.200	48.405.916.200
2	Trái phiếu chưa niêm yết	886.714.417.000	886.714.417.000	-	-	-	-
	Các khoản cho vay và phải thu	542.531.797	không áp dụng				
II	Tổng cộng	974.632.248.797		30.581.355.000	-	17.824.561.200	48.405.916.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KSS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

21. THU NHẬP (Tiếp theo)

21.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, phải thu và cho vay

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11.567.710.318	2.074.467.172
<i>Trái phiếu không niêm yết</i>	11.567.710.318	1.865.700.049
<i>Chứng chỉ tiền gửi</i>	-	208.767.123
Từ tài sản tài chính HTM	5.849.404.110	3.975.164.382
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	8.755.205.365	37.673.307
<i>Lãi cho vay giao dịch ký quỹ</i>	8.528.841.959	-
<i>Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng</i>	226.363.406	37.673.307
	26.172.319.793	6.087.304.861

21.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	131.689.962.556	220.381.419.621
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	19.900.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	361.756.428.725	214.147.109.293
Thu nhập hoạt động khác	98.862.512.080	60.405.201.416
	592.308.903.361	514.833.730.330

22. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	125.926.423.917	66.794.845.093
Chi phí vật tư đồ dùng	117.995.672	58.651.707
Chi phí khấu hao	665.942.436	340.074.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.215.800.283	120.032.373.531
Chi phí bằng tiền khác	3.264.066.618	-
	134.190.228.926	187.225.944.575

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	699.019.138	328.501.114
Doanh thu hoạt động tài chính khác	221.313.854	509.000
	920.332.992	329.010.114

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B09-CTCK

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.998.611.675	9.053.978
Chi phí đầu tư khác	5.752.416.753	9.682.192
	15.751.028.428	18.736.170

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	83.646.640.897	61.396.055.276
Chi phí vật tư đồ dùng	232.213.505	553.055.158
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.562.854.299	1.874.816.834
Chi phí khấu hao	8.284.053.605	1.259.178.589
Chi phí thuế, phí và lệ phí	70.436.991	613.354.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.563.545.987	7.336.084.553
Chi phí khác	8.097.609.070	5.153.889.252
	141.457.354.354	78.186.433.921

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập từ truy thu hoa hồng các hợp đồng trái phiếu thanh lý trước hạn	4.163.810.657	925.307.696
Thu nhập từ thanh lý tài sản	1.681.925.686	-
Thu nhập khác	210.880.814	164.256.556
	6.056.617.157	1.089.564.252

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
CHI PHÍ KHÁC		
Chi phí phạt đối với các hợp đồng trái phiếu thanh lý trước hạn	4.975.015.424	486.578.223
Giá trị còn lại của tài sản cố định, công cụ dụng cụ thanh lý	1.155.716.666	-
Truy thu và phạt chậm nộp thuế	1.494.660.337	-
Chi phí khác	43.781.114	370.472
	7.669.173.541	486.948.695

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	411.686.261.651	338.308.051.812
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.783.884.606	31.011.509
Chênh lệch thuần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	17.824.561.200	(48.405.916.200)
(Lỗ) tính thuế từ năm trước chuyển sang	-	(24.437.453.994)
Thu nhập chịu thuế	431.294.707.457	265.495.693.127
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	86.258.941.491	53.099.138.625
Các khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	232.567.557	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	86.491.509.048	53.099.138.625

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	(17.824.561.200)	-
Chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	-	48.405.916.200
Các khoản chênh lệch tạm thời khi tính thuế	(17.824.561.200)	48.405.916.200
Thuế suất tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm	(3.564.912.240)	9.681.183.240

Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	9.681.183.240	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá tài sản tài chính FVTPL	(3.564.912.240)	9.681.183.240
Số dư cuối năm	6.116.271.000	9.681.183.240

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	328.759.664.845	269.156.763.657
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	100.037.303	64.931.501
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.286	4.145

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại sau khi trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 như sau:

	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	275.527.729.947	275.527.729.947
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (VND)	(6.370.966.290)	-
Trích lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	269.156.763.657	275.527.729.947
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	64.931.501	64.931.501
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.145	4.243

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư chủ yếu với Công ty trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình (*)	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service (*)	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes (trước đây là Công ty Cổ phần Sunshine Homes)	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ Unicloud	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine (*)	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology (***)	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C (*)	Công ty chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG (*)	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần KS Group (**)	Công ty liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt

(*) Các Công ty trên trở thành bên liên quan của Công ty kể từ năm 2022.

(**) Công ty Cổ phần KS Group không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2021.

(***) Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology không còn là bên liên quan của Công ty từ ngày 08 tháng 10 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phí dịch vụ trái phiếu	132.519.724.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	53.693.012.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	45.220.547.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	25.617.124.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	7.479.452.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	509.589.000	Chưa là Bên liên quan
Doanh thu phí môi giới	126.723.630.207	214.435.264.414
Công ty Cổ phần KS Group	124.103.520.618	214.435.264.414
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	2.620.109.589	-
Bán tài sản tài chính	9.048.195.665.387	6.357.714.308.724
Công ty Cổ phần KS Group	9.048.195.665.387	6.357.714.308.724
Mua tài sản tài chính	9.625.966.027.932	1.239.519.238.814
Công ty Cổ phần KS Group	9.211.994.603.932	1.103.305.718.814
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	413.971.424.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	-	136.213.520.000
Nhận lãi trái phiếu	32.604.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	26.400.000.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	6.204.000.000	-
Chi phí thuê và dịch vụ quản lý văn phòng	1.820.590.385	-
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	1.820.590.385	-
Thu chi hộ	11.717.771.298	1.331.844.911
Công ty Cổ phần KS Group	11.310.940.900	1.229.326.568
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	406.830.398	102.518.343
Mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định	1.449.994.256	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	1.241.904.438	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	133.308.000	Chưa là Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ Unicloud	74.781.818	-
Chi phí phạt do khách hàng thanh lý hợp đồng trái phiếu trước hạn	4.975.015.424	486.578.238
Công ty Cổ phần KS Group	4.975.015.424	486.578.238



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã có số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu	689.265.000.302	36.211.926.087
Công ty Cổ phần KS Group	688.764.974.000	26.784.882.718
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	-	9.421.780.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	500.026.302	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	-	5.263.269
Các khoản phải trả	720.500.559	423.390.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	576.527.919	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	143.972.640	-
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	-	423.390.000
Doanh thu chưa thực hiện	60.874.827.000	10.193.527.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	28.563.528.000	7.681.540.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	19.368.492.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản S-Homes	9.951.027.000	2.511.987.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Sunshine E&C	2.991.780.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và lương, thưởng của Tổng Giám đốc	12.619.469.628	14.031.133.108

30. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến giá trị của các tài sản tài chính Công ty đang nắm giữ và/hoặc ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty. Công ty thiết lập cơ chế quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, đồng thời vẫn tối ưu hóa lợi nhuận thu được.

K: DE V. K/VC

- **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là khả năng mà Công ty phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận hoặc các tổn thất liên quan đến tài sản do sự biến động của lãi suất. Sự không cân xứng về kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ, việc tài trợ tài sản nợ, việc tái đầu tư và các rủi ro giảm giá trị tài sản.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách tối thiểu hóa khoảng cách kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất trong khi vẫn thu được lợi ích cho Công ty.

Các tài sản nợ và tài sản có chịu lãi suất của Công ty như khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do biến động lãi suất là không đáng kể.

- **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ danh mục cổ phiếu niêm yết do Công ty nắm giữ. Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư đều được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết của công ty là 117.956.655.000 VND. Nếu giá thị trường của cổ phiếu công ty nắm giữ tăng/giảm một giá trị nhất định so với giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng tăng/giảm với giá trị tương ứng.

- **Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của các luồng tiền trong tương lai (phát sinh từ các tài sản tài chính, khoản phải thu, nợ phải trả...) thay đổi do biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không nắm giữ tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia hợp đồng với Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/hoàn trả theo cam kết đã ký với Công ty, dẫn đến tổn thất tài chính. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

- **Số dư với ngân hàng**

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản kỳ quỹ thế chấp.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có rủi ro trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng này.

112
YNG
TINH
MT
LO
DT
DA

• **Tài sản tài chính**

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ của các tổ chức phát hành có uy tín. Mọi khoản đầu tư đều phải có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Việc đo lường và giám sát rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư này được lượng hóa và định kỳ báo cáo Ban Tổng Giám đốc.

• **Ứng trước tiền bán chứng khoán**

Ứng trước tiền bán chứng khoán là Công ty ứng trước cho khách hàng vay số tiền bán chứng khoán khách hàng sẽ được nhận từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sau 2 ngày làm việc kể từ ngày bán thành công chứng khoán. Khi tiền bán chứng khoán về tài khoản chứng khoán của khách hàng, Công ty sẽ tự động thực hiện thu hồi khoản ứng trước. Như vậy rủi ro tín dụng của các khoản ứng trước này không dựa trên khả năng thanh toán của khách hàng mà dựa trên khả năng thanh toán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là rất thấp.

• **Cho vay ký quỹ**

Cho vay ký quỹ tại Công ty được thực hiện theo quy định của Quyết định số 87/QĐ-UBCK ("Quyết định 87") do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017 về quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán, theo đó Công ty cho khách hàng vay ký quỹ để mua chứng khoán trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty. Danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty được xác định theo phương pháp luận khoa học, đánh giá được mức độ rủi ro của các chứng khoán, đồng thời không được nằm trong danh sách chứng khoán không được phép giao dịch do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố từng thời kỳ. Chứng khoán trong tài khoản ký quỹ được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ký quỹ của khách hàng.

Công ty tuân thủ các hạn mức cho vay ký quỹ trên vốn chủ sở hữu, hạn mức cho vay ký quỹ đối với một khách hàng, hạn mức dư nợ cho vay ký quỹ đối với một loại chứng khoán trên vốn chủ sở hữu của công ty, hạn mức tổng khối lượng chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ trên tổng khối lượng chứng khoán niêm yết của một mã cổ phiếu, tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của Quyết định 87 để tối thiểu hóa rủi ro tín dụng.

Công ty ban hành quy định về cho vay ký quỹ, trong đó có quy trình gọi ký quỹ bổ sung và xử lý tài sản thế chấp trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	542.224.830	-
Dự phòng đã lập	-	-
Giá trị thuần	542.224.830	-

10. TV 1 AI 11 TP 11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTCK

• Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu theo đúng điều khoản trong hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản phải thu với Công ty Cổ phần KS Group chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty, tuy nhiên đây là đối tác mà Công ty tin nhiệm và đã thu hồi tại ngày 17 tháng 01 năm 2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi các khoản nợ đến hạn, chủ yếu do chênh lệch kỳ hạn của các tài sản nợ và tài sản có. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các tài sản tài chính Công ty nắm giữ có khả năng thanh khoản tốt để Công ty có thể dễ dàng chuyển hóa thành tiền khi cần thiết nhằm hỗ trợ khả năng thanh khoản.

Thanh

Người lập
Trần Thị Kim Oanh

[Signature]

Kế toán trưởng
Nguyễn Đức Tùng



Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Minh

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT
ĐỖ THỊ ĐỊNH

